

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2018/HS-ST

Ngày 31 - 8 - 2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH BÌNH PHƯỚC**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Đỗ Văn Hùng**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Thành Vui**

Bà **Nguyễn Kim Phụng**

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà **Đào Thị Lệ Thy** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa: Bà **Phạm Thị Thủy Tiên** - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 8 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Bình Phước đưa ra xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 36/2018/HSST ngày 01/8/2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2018/QĐXXST-HS ngày 20 tháng 8 năm 2018 đối với bị cáo:

1. Họ và tên: Trần Anh T, sinh năm: 1989, tại Bình Phước; HKTT và chỗ ở: Ấp 7, xã T, huyện N, Bình Phước; Quốc tịch: Việt Nam – Dân tộc: Kinh – Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm vườn; Trình độ học vấn: 9/12; Cha: Trần L (Đã chết); Mẹ: Hồ Thị D (Đã chết); Bị cáo có 07 anh chị em, lớn nhất sinh năm: 1969, nhỏ nhất sinh năm: 1994; Bị cáo chưa có vợ con; Tiền án, tiền sự: Không.

Ngày 06/4/2018, bị cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện N bắt tạm giam cho đến nay. Hiện bị can đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ thuộc Công an huyện N.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa

2. Họ và tên: Dương Vĩnh B; Sinh năm: 1998, tại Bình Phước; Hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Ấp 7, xã T, huyện N, Bình Phước; Quốc tịch: Việt Nam – Dân tộc: Kinh – Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 7/12; Cha: Dương Vĩnh V, sinh năm: 1972; Lê Thị Kiều L, sinh năm: 1978; Bị cáo có 03

anh em, lớn nhất là bị cáo, nhỏ nhất sinh năm: 2005; Vợ: Phạm Thị Mỹ D – Sinh năm: 1992; Con: Phạm Ngọc Mỹ A – Sinh năm: 2016; Tiền án, tiền sự: Không

Ngày 06/4/2018, bị cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện N bắt tạm giam cho đến nay. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ thuộc Công an huyện N

Bị cáo có mặt tại phiên tòa

*** Bị hại:**

Anh Nguyễn Văn N, sinh năm 1998

HKTT: Ấp 7, xã T, huyện N, tỉnh Bình Phước.

Có mặt tại phiên tòa

*** Người làm chứng:**

1/ Bà Trần Thị Thu H, sinh năm 2001

HKTT: Ấp Việt Quang, xã Lộc Q, huyện N, tỉnh Bình Phước.

Vắng mặt tại phiên tòa

2/ Ông Trần Văn V sinh năm 1988

HKTT: Ấp Việt Quang, xã Lộc Q, huyện N, tỉnh Bình Phước.

Vắng mặt tại phiên tòa

Ông Trần Văn V1, sinh năm 1954

HKTT: Ấp Việt Quang, xã Lộc Q, huyện N, tỉnh Bình Phước.

Vắng mặt tại phiên tòa

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

Ông Nguyễn Văn N1, sinh năm 1972

HKTT: Ấp 7, xã T, huyện N, tỉnh Bình Phước.

Có mặt tại phiên tòa

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Các bị cáo bị Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Bình Phước truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Vào khoảng 22 giờ ngày 25/10/2017, Trần Anh T, Dương Vĩnh B đến nhà Trần Văn V tại ấp Việt Quang, xã Lộc Q chơi thì thấy Nguyễn Văn N điều khiển xe mô tô chở theo em gái của V là Trần Thị Thu H đi chơi về. Do thấy H đi chơi với N nên T tức giận lấy 01 cây chổng cửa bằng gỗ, dạng tròn dài khoảng 1m, B lấy 01 khúc cây gỗ dài khoảng 1m bên hông nhà anh V đi lại chỗ của N, T dùng cây đánh vào người N

nhiều cái, N đưa tay lên đỡ thì trúng tay, B cũng dùng cây đánh vào tay N nhiều cái. N bỏ chạy, T và B đuổi theo và T tiếp tục dùng cây đánh vào người N nhiều cái nữa, N la lên nên T và B không đánh nữa mà vứt cây vào bụi cỏ gần đường. Sau đó, N điều khiển xe chạy đến trạm y tế xã Lộc Q và nhờ anh Nguyễn Văn D (anh họ của N) đưa N đi cấp cứu tại Bệnh viện. (Bút lục: 52 – 55, 64 – 65)

Căn cứ kết luận giám định pháp y về thương tích số: 317 ngày 06/12/2017 của Trung tâm giám định y khoa – Pháp y tỉnh Bình Phước kết luận Nguyễn Văn N có những thương tích sau: Gãy xương bàn III, IV, V đã phẫu thuật xuyên đinh cố định xương gãy, hạn chế gấp duỗi ngón II, III, IV, V. Kết luận: Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên là: 20% (Bút lục: 44 – 45).

Anh Nguyễn Văn N yêu cầu Trần Anh T và Dương Vĩnh B bồi thường số tiền: 51.371.000 đồng, T và B chưa khắc phục hậu quả nên buộc T và B liên đới bồi thường cho anh N.

Quá trình điều tra, Trần Anh T và Dương Vĩnh B thành khẩn khai báo. Bị cáo T và bị hại N không có mâu thuẫn, chỉ vì tức giận việc N chở Trần Thị Thu H về nhà nên T đã tức giận lấy cây chống cửa bằng gỗ đánh N, bị cáo B không những không can ngăn mà còn giúp T sử dụng cây gỗ đánh N gây thương tích.

Tại bản cáo trạng số: 33/CTr-VKS, ngày 01/8/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Bình Phước truy tố các bị cáo Trần Anh T và Dương Vĩnh B về tội “*Cố ý gây thương tích*” theo điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên toà đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo như bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 33 Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017

- Xử phạt bị cáo Trần Anh T từ 36 đến 40 tháng tù
- Xử phạt bị cáo Dương Vĩnh B từ 30 đến 36 tháng tù

Về trách nhiệm dân sự: Buộc các bị cáo Trần Anh T và Dương Vĩnh B bồi thường số tiền: 51.371.000 đồng cho anh Nguyễn Văn N và ông Nguyễn Văn N1.

Các bị cáo nói lời nói sau cùng: Bị cáo biết hành vi của mình là sai, bị cáo rất hối hận, mong hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện N, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện N, Kiểm sát viên, trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa xét xử công khai hôm nay, các bị cáo đã hoàn toàn thú nhận hành vi phạm tội của mình gây ra, lời nhận tội của các bị cáo phù hợp với thời gian, địa điểm xảy ra vụ án, phù hợp với kết luận điều tra, cáo trạng và kết luận của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa nên có đủ cơ sở để khẳng định: Vào khoảng 22 giờ ngày 25/10/2017, Trần Anh T, Dương Vĩnh B đến nhà anh Trần Văn V tại ấp Việt Quang, xã Lộc Q chơi, T lấy 01 cây chổng cửa bằng gỗ, dạng tròn dài khoảng 1m, B lấy 01 khúc cây gỗ dài khoảng 1m đánh nhiều cái vào người anh Nguyễn Văn N gây thương tích 20%.

Bị cáo T và anh N không có mâu thuẫn trước đó, chỉ vì N a chở chị Trần Thị Thu H về nhà nên T đã ghen tuông tức giận, không kiềm chế được bản thân mình nên bị cáo đã dùng hung khí là cây gỗ tròn gây thương tích cho anh N. Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, tội phạm đã hoàn thành.

Đối với bị cáo B là bạn của bị cáo T, sau khi biết T có ý định đánh N thì bị cáo lại không can ngăn, với vai trò đồng phạm giản đơn, không có sự bàn bạc từ trước, khi bị cáo thấy bị cáo T cầm cây chổng cửa bằng gỗ chạy ra đánh anh N thì bị cáo cũng nhặt một khúc cây gỗ gần đó chạy theo T để đánh nhiều cái vào người anh N, bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, tội phạm đã hoàn thành.

Các bị cáo là người trưởng thành, nhận thức được pháp luật, có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, biết hành vi của mình là vi phạm pháp luật. Hành vi của các bị cáo thể hiện tính côn đồ, liều lĩnh, xem thường pháp luật, xâm phạm trực tiếp đến tính mạng, sức khỏe của người khác được luật pháp bảo vệ, gây ảnh hưởng đến trật tự, an ninh tại địa phương. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên là 20% do các bị cáo dùng cây gỗ dài khoảng 01 mét là hung khí để gây thương tích cho anh N, thuộc trường hợp được quy định tại khoản 2 Điều 104 Bộ luật hình sự nên hành vi của bị cáo đủ dấu hiệu cấu thành tội “*Cố ý gây thương tích*”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 2 Điều 104 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009. Tuy nhiên, Bộ luật hình sự năm 2015 quy định khung hình phạt của tội “*Cố ý gây*

thương tích” nhẹ hơn so với Bộ luật hình sự năm 1999 đã sửa đổi, bổ sung năm 2009, cụ thể: Tại khoản 2 Điều 104 Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009 quy định hình phạt tù từ 02 năm đến 07 năm. Nhưng tại khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015 quy định khung hình phạt là 02 năm đến 06 năm tù. Căn cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 7 Bộ luật hình sự năm 2015; điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội thì cần áp dụng khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự 2015, đã sửa đổi bổ sung năm 2017 để xử phạt bị cáo nhằm đảm bảo nguyên tắc có lợi cho bị cáo.

[3] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo T thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội, thành khẩn khai báo, các bị cáo có hoàn cảnh khó khăn có xác nhận của chính quyền địa phương. Bị cáo B có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Hội đồng xét xử cần xem xét giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự cho các bị cáo. Tuy nhiên bị cáo Trần Anh T có nhân thân xấu, ngày 29/12/2008, bị Tòa án nhân dân huyện N xử phạt 26 tháng tù về tội cố ý gây thương tích, bị cáo không lấy đó làm bài học kinh nghiệm nay lại tiếp tục phạm tội. Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng

[4] Viện kiểm sát nhân dân huyện N truy tố các bị cáo về tội “*Cố ý gây thương tích*” theo điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ Luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 là hoàn toàn có cơ sở, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật. Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo là nghiêm trọng. Hội đồng xét xử cần xử phạt nghiêm tương xứng với hành vi phạm tội mà các bị cáo đã gây ra. Cần cách ly các bị cáo một thời gian để có đủ điều kiện giáo dục cải tạo các bị cáo trở thành người có ích cho xã hội, áp dụng hình phạt tù đối với bị cáo T và bị cáo B là cần thiết.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Anh Nguyễn Văn N yêu cầu bị cáo Trần Anh T và bị cáo Dương Vĩnh B liên đới bồi thường số tiền 51.371.000 đồng tiền chi phí phí thuốc men, trong đó người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn N1 là cha bị hại N yêu cầu bồi thường thu nhập thực tế bị mất trong thời gian chăm sóc anh N 02 tháng là 6.000.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của anh N là có căn cứ nên buộc bị cáo T và bị cáo B liên đới bồi thường số tiền 51.371.000 đồng. Trong đó bị cáo T phải bồi thường số tiền 25.685.500 đồng, bị cáo B phải bồi thường số tiền 25.685.500 đồng cho bị hại và người có nghĩa vụ liên quan.

[6] Về án phí: các bị cáo phải chịu án phí theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1) Tuyên bố bị cáo **Trần Anh T và Dương Vĩnh B** phạm tội “*Cố ý gây thương tích*”

Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 33; Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017

- Xử phạt bị cáo Trần Anh T: 03 (ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 06/4/2018

- Xử phạt bị cáo Dương Vĩnh B: 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 06/4/2018

2) *Về trách nhiệm dân sự:* Căn cứ Điều 48 Bộ luật hình sự, Điều 590 Bộ luật dân sự buộc Bị cáo T và bị cáo B liên đới bồi thường số tiền 51.371.000 đồng cho bị hại và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan. Trong đó bị cáo T phải bồi thường số tiền 25.685.500 đồng, bị cáo B phải bồi thường số tiền 25.685.500 đồng.

“Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật và khi có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, người phải thi hành án chậm trả tiền thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015”.

“Trong trường hợp bản án được thi hành quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

3) *Về án phí:* Áp dụng Điều 135 Bộ luật tố tụng hình sự. Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Trần Anh T phải chịu 200.000 đồng án phí Hình sự sơ thẩm và 1.284.000 đồng tiền án phí Dân sự sơ thẩm.

Buộc bị cáo Dương Vĩnh B phải chịu 200.000 đồng án phí Hình sự sơ thẩm và 1.284.000 đồng tiền án phí Dân sự sơ thẩm.

Bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước
- VKS huyện N
- Bị cáo, người bị hại
- Chi cục THADS huyện N
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Phước
- CA huyện N

T/M.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

- CA tỉnh Bình Phước
- Lưu hồ sơ vụ án

Đỗ Văn Hùng

